



MD Consumer Electric Appliance Vietnam Co.,Ltd
24-26 Đường B4, phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 73015856

Văn phòng đại diện tại Hà Nội
ML 06-37 Vinhomes Green Bay, 07 Đại lộ Thăng Long, Phường
Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội



RAC20240226



CATALOGUE SẢN PHẨM ĐIỀU HÒA DÂN DỤNG

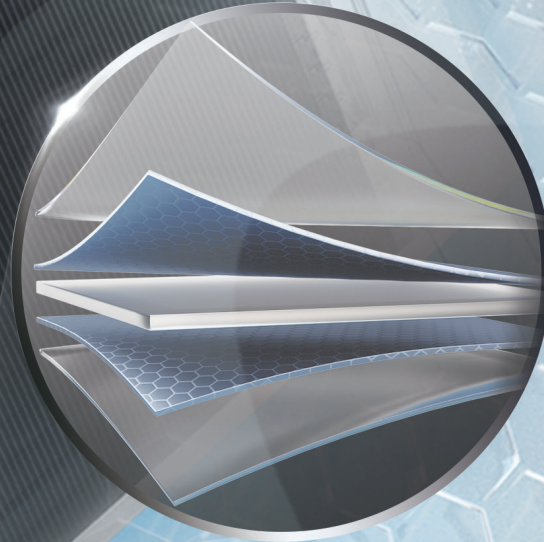
make yourself at home



HYPER GRAPFINS™
Anti-UV Aging & Anti-Corrosion



Midea Group ranks
245th
Fortune Global



TẬP ĐOÀN MIDEA

Các dấu mốc tiêu biểu

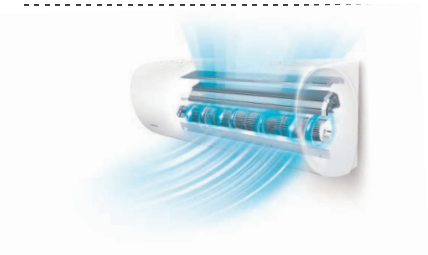


- **1968** Gia nhập vào ngành sản xuất thiết bị gia dụng
- **1985** Bắt đầu sản xuất điều hòa dân dụng
- **1992** Thành lập Công ty Welling Holding Limited
- **1993** Được niêm yết trên sàn chứng khoán Thâm Quyển
- **1996** Ra mắt sản phẩm điều hòa hai chiều đầu tiên sản xuất tại Trung Quốc
- **1998** Mua lại nhà máy sản xuất máy nén điều hòa Toshiba. Ra mắt sản phẩm điều hòa hai chiều DC đầu tiên.
- **2004** Thành lập liên doanh với Toshiba-Carrier
-  **2007** Xây dựng nhà máy sản xuất tại Việt Nam
- **2011** Thành lập liên doanh với Carrier tại Nam Mỹ. Lập phòng thí nghiệm công nghệ điều hòa inverter DC 410A Midea & Toshiba-Carrier
-  **2016** Mua lại Kuka và hợp tác trong ngành công nghệ robot: Lọt vào danh sách Fortune Global 500
- **2022** Xếp hạng thứ 245 trong danh sách Fortune Global 500
-  **2023** Kỷ niệm 55 năm thành lập



Tính năng chính :

Chế độ làm lạnh nhanh



Giúp làm lạnh không gian nhanh chóng

Chế độ Eco



Kiểm soát năng lượng trong 8 giờ để đảm bảo sự thoải mái tối đa với mức tiêu thụ năng lượng cực thấp vào ban đêm.

Chế độ tự làm sạch



Chức năng tự làm sạch giúp đánh bay bụi bẩn, vi khuẩn và hơi nước, tăng tuổi thọ và mang lại bầu không khí trong lành.

Thông số kỹ thuật

Treo tường inverter 1 chiều R32



Model			2.5HP	3HP
			MAF-24CFN8	MAF-28CFN8
Nguồn cấp	Dàn lạnh	V/Ph/Hz	220-240/1/50	220-240/1/50
	Dàn nóng	V/Ph/Hz	-	-
Công suất làm lạnh (1) Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		kW	7.4 (3.6 ~ 8.7)	8.0 (3.9 ~ 9.4)
		Btu/h	25000 (10000-27500)	27000 (10800-29700)
Công suất sưởi ấm (1) Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		kW	-	-
		Btu/h	-	-
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh	W	2492 (906-3426)	2816 (1024-3872)
	Sưởi		-	-
Chỉ số hiệu quả năng lượng	EER (Làm lạnh)	W/W	2.94	2.81
	COP (Sưởi)	W/W	-	-
	CSPF*	Wh/Wh	4.9	4.8
Dàn lạnh				
Màu mặt nạ			Trắng	Trắng
Quạt	Lưu lượng gió	m³/h	1045/830/630	1045/830/630
	Tốc độ (cao/trung bình/thấp)	r/min	1200/1000/800	1200/1000/800
Độ ồn (cao/trung bình/thấp) (3)		dB(A)	45.5/40/33	45.5/40/33
Kích thước (rộng*dài*cao)		mm	1040x220x327	1040x220x327
Đóng gói (rộng*dài*cao)		mm	1120x405x315	1120x405x315
Trọng lượng tịnh/tổng		kg	12.36/15.92	12.36/15.92
Phạm vi hoạt động	Làm lạnh	°C	17~32	17~32
	Sưởi	°C	-	-
Dàn nóng				
Màu			-	-
Lưu lượng gió		m³/h	3500	3500
Máy nén	Loại		Rotary	Rotary
	Công suất động cơ	W	4780	4780
Loại môi chất lạnh	Loại		R.32	R.32
	Đã nạp	kg	1.15	1.15
Độ ồn (3)	Làm lạnh/ Sưởi ấm	dB(A)	56	56
	Chế độ yên tĩnh ban đêm	dB(A)	-	-
Kích thước (rộng*dài*cao)		mm	890x342x673	890x342x673
Đóng gói (rộng*dài*cao)		mm	995x398x740	995x398x740
Trọng lượng tịnh/tổng		kg	39.37/42.70	39.37/42.70
Phạm vi hoạt động	Làm lạnh	°C	0~50	0~50
	Sưởi	°C	-	-
Kết nối đường ống				
Ống lỏng / ống hơi (loe)		mm	9.52/15.9	9.52/15.9
Ống xả (dàn lạnh/dàn nóng)		mm	ODΦ16/ODΦ16	ODΦ16/ODΦ16
Chiều dài ống đồng tối đa nối các thiết bị		m	50	50
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt		m	25	25
Hệ thống dây điện điều khiển			2.5x4	2.5x4

Lưu ý:
1) Công suất định mức dựa trên các điều kiện sau:
- Chiều dài đường ống kết nối 5m Chênh lệch độ cao lắp đặt bằng 0
- Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà 27°CDB / 19 °CWB; Nhiệt độ ngoài trời 35 °CDB / 24 °CWB
- Sưởi: Nhiệt độ trong nhà 20°CDB / 15°CWB; Nhiệt độ ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
2) Công suất là giá trị thực
3) Giá trị đo được trong buồng không phản xạ và đo tại điểm phía dưới cách tâm thiết bị 1.5 m tính từ đáy.
Trong quá trình vận hành thực tế, các giá trị này thường cao hơn một chút do điều kiện môi trường xung quanh.
4) Do chính sách đối mới của chúng tôi, một số thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo
(*) Thông số CSPF đang tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 7830:2015 và 7830:2021

DANH SÁCH TRẠM BẢO HÀNH ỦY QUYỀN

	Khu vực	Tỉnh/ Thành phố	Tên trạm	Địa chỉ
1	Miền Bắc	Bắc Kạn	Hoàng Huân	24A,24B đường Nguyễn Văn Thoát , P.Phùng Chí Kiên, Thị xã Bắc Kạn
2	Miền Bắc	Bắc Giang	Huyền Lương	Số 472 đường Xương giang , P. Ngô Quyền TP. Bắc Giang
3	Miền Bắc	Bắc Ninh	THAL	6 Nguyễn Trãi, P. Ninh Xá, TP. Bắc Ninh
4	Miền Bắc	Bắc Ninh	Hồng Hải	45 Đỗ Trọng Vỹ, P. Ninh Xá, TP. Bắc Ninh 108, Đường Trần Hưng Đạo, P. Tiến An, TP. Bắc Ninh
5	Miền Bắc	Cao Bằng	Chiến Khu	4 tổ 30, P. Hợp Giang, TP Cao Bằng
6	Miền Bắc	Điện Biên	Tùng Huệ	608 tổ 4, p Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, Điện Biên
7	Miền Bắc	Hà Giang	Đại Đức	2 đường Hồng Quân, tổ 13, P.Nguyễn Trãi, TP Hà Giang
8	Miền Bắc	Hà Nam	Tấn Lộc	Số 264 Lê Lợi, P. Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
9	Miền Bắc	Hà Nội	Quang Hiến	109A/170 Phố Hồng Mai, P Quỳnh Lôi, Hai bà Trưng, Hà Nội
10	Miền Bắc	Hà Nội	Thái Hà	46 Tôn Đức Thắng , P. Hàng Bột , Ba Đình , Hà Nội 3 Cao Bá Quát, Ba Đình, Hà Nội
11	Miền Bắc	Hà Nội	An Phát	1A38 Tây Mỗ, P. Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
12	Miền Bắc	Hà Nội	Huy Khánh	80 Lê Hồng Phong Hà Cầu Hà Đông
13	Miền Bắc	Hà Nội	Thịnh Phát	441 Nguyễn Văn Cừ, P. Gia Thụy, Long Biên
14	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Thiên	162 Phố Tía, Huyện Thường Tín, Hà Nội
15	Miền Bắc	Hà Nội	Hà Yên	Số 266 phố chợ Khâm Thiên, P. Phương Liễn, Quận Đống Đa, Hà Nội
16	Miền Bắc	Hà Nội	Xuân Tùng	31 Phạm Hồng Thái, P. Quang Trung, TX. Sơn Tây
17	Miền Bắc	Hải Dương	Lê Xuyên	63 Tam Giang, P Trần Hưng Đạo, TP Hải Dương
18	Miền Bắc	Hải Phòng	Minh Đạt	Thôn Thạch Lựu, xã An Thái, huyện An Lão, TP. Hải Phòng
19	Miền Bắc	Hải Phòng	Bách Việt	Số 575 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng
20	Miền Bắc	Hòa Bình	Thành Tâm	109 Trần Hưng Đạo tổ 19, P Đống Tiến, Hòa Bình
21	Miền Bắc	Hưng Yên	Đức Toàn	233 Điện Biên . P Lê Lợi, TP Hưng Yên . Tỉnh Hưng Yên
22	Miền Bắc	Lai Châu	Kiên Hào	Tổ 5, P Quyết Tiến, Đường Trần Hưng Đạo, Lai Châu
23	Miền Bắc	Lạng Sơn	Minh Trang	378 đường Bắc Sơn, P Hoàng Văn Thụ, TP Lạng Sơn
24	Miền Bắc	Lào Cai	Hoàng Giang	054, Đường Nguyễn Khuyến, P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
25	Miền Bắc	Nam Định	Thành Đạt	85 Nguyễn Bình, P. Trần Quang Khải, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định
26	Miền Bắc	Ninh Bình	Phú Mỹ Linh	SN668, đường 30/6, Phố Văn Giang, P. Ninh Phong, TP. Ninh Bình
27	Miền Bắc	Phủ Thọ	Tăng Tự	1827 đại lộ Hùng Vương,P.Gia Cẩm, TP. Việt Trì
28	Miền Bắc	Quảng Ninh	Hào Khuyến	Tổ 1, Khu phố 1, Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh
29	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đức Duy Phát	199 khu 4, Phố Nguyễn Bình, P. Đông Triều, Thị Xã Đông Triều, Quảng Ninh
30	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trung Đức	12 Ngách 19 Ngõ 503 Lê Thanh Nhị, P. Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh
31	Miền Bắc	Sơn La	Thái Hùng	255 đường Chu Văn Thình, Tổ 2, P Tô Hiệu, TP. Sơn La
32	Miền Bắc	Thái Bình	Rĩnh Long	15B Nguyễn Tông Quai, P Trần Lâm, TP. Thái Bình 272 Trần Hưng Đạo, Thái Bình
33	Miền Bắc	Thái Nguyên	Sao Việt	68A CMiền Trung8, Tổ 6, P Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
34	Miền Bắc	Tuyên Quang	Thành Tuyền	22 tổ 7, P.Phan Thiết, TP.Tuyên Quang
35	Miền Bắc	Tuyên Quang	Cường Thịnh	Số nhà 232, Đường Phạm Văn Đồng, Tổ 1, P. Hưng Thành, TP. Tuyên Quang
36	Miền Bắc	Vĩnh Phúc	Ngọc Việt	39 Ngõ Gia Tự, P. Liên Bảo, TP. Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
37	Miền Bắc	Yên Bái	Mạnh Sử	SN52 Trần Hưng Đạo, P Hồng Hà, Yên Bái
38	Miền Bắc	Hà Nam	Phúc Thụy	Xóm 7, Xã Liêm Tuyền, Thành phố Phủ Lý, Hà Nam
39	Miền Nam	An Giang	Thảo Phát	107 Nguyễn Huệ B, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang
40	Miền Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	Út Dương	98B Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh BRVT
41	Miền Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	Phong Cường	156 Bình Giã, P. 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh BRVT
42	Miền Nam	Bạc Liêu	Minh Thái	34/4, Trần Phú , P.7 , TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
43	Miền Nam	Bến Tre	Tín Phong	52B Đại lộ Đồng Khởi, P. Phú Khương ,TP. Bến Tre
44	Miền Nam	Bình Dương	Minh Bảo Hành	908 Cách mạng tháng 8, P. Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
45	Miền Nam	Bình Phước	Thanh Ngân	338 Nguyễn Huệ, TX Bình Long, Bình Phước
46	Miền Nam	Cà Mau	ĐL Sài Gòn	233 Tôn Đức Thắng, Khóm 8, P. 5, TP. Cà Mau
47	Miền Nam	Cần Thơ	Thành Đạt	54, Võ Văn Kiệt, P. An Hoà, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
48	Miền Nam	Cần Thơ	TTBH Midea	390S/9 Trần Nam Phú, P. An Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ
49	Miền Nam	Cần Thơ	Thiên Kim	71/7F Trần Phú, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ
50	Miền Nam	Đồng Nai	Thanh Cảnh	132 Hoàng Diệu, P Xuân Thanh, TX Long Khánh, Đồng Nai
51	Miền Nam	Đồng Nai	Thanh Hoài	826, Tổ 16, Khu 5, Ấp 2, xã An Hoà, Biên Hòa
52	Miền Nam	Đồng Nai	Ngĩa Hiếu Phát	613 Nguyễn Ái Quốc, KP2, P.Hố Nai, Biên Hòa, Đồng Nai
53	Miền Nam	Đồng Tháp	Văn Vũ	265 Hùng Vương, P2, TP. Cao Lãnh
54	Miền Nam	Hậu Giang	Thành Đạt	71 Nguyễn Công Trứ, P. 1, Tp Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang